

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 25-11-2020.

V/v: “Tranh chấp chia tài sản  
chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thúy Liên

Bà Võ Thị Hồng Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:**

Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 04/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số: 145/2020/HNGĐ-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1978, có mặt

Cư trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1979, có mặt

Cư trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L, Phó GD phụ trách phòng giao dịch G, có mặt.

Địa chỉ: XXX Đào T, thị trấn T, huyện T, Bình Định.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày:

Theo quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 312/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T thì anh và chị Lê Thị Thanh H đã thuận tình ly hôn. Khi ly hôn anh và chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nay anh yêu cầu chỉ tài sản chung là ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất số 463, tờ bản đồ số 30, diện tích 91,2m<sup>2</sup> tại thôn tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, đã được UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp GCNQSDĐ cho Trần Quốc T, Lê Thị Thanh H ngày 25/10/2015. Nguồn gốc đất từ cha mẹ của anh T cho vợ chồng. Nay anh T yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà nói trên, Anh T yêu cầu được chia và nhận nhà để ở và hoàn trả lại giá ½ giá trị ngôi nhà cho chị H giá trị theo Hội đồng định giá đã định ngày 26/2/2020 là 620.164.000đ, tuy nhiên tại phiên tòa anh T nâng giá trị thực tế nhà đất là 651.000.000đ.

Về nợ chung : Hiện nay vợ chồng đang nợ chung, theo hợp đồng tín dụng số: 4302-LAV-201503759, ngày 15 tháng 9 năm 2015 thì còn nợ gốc là 28.000.000đ và tiền lãi tính đến 2/12/2019 là 230.000đ. Anh T yêu cầu chia đôi số nợ Ngân hàng nói trên. Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung nào khác và cũng không có nợ chung nào khác .

**Tại các bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày:**

Chị H công nhận nguyên trước đây chị và anh T là vợ chồng nhưng do cuộc sống không hạnh phúc nên đã được Tòa án nhân dân huyện T ra quyết định “ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự” số 312/ 2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019. Khi ly hôn vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung, nay anh Toàn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm 1 ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất số 463, tờ bản đồ số 30, diện tích 91,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp GCNQSDĐ cho cho Trần Quốc T, Lê Thị Thanh H ngày 25/10/2015. Nguồn gốc đất chị H công nhận đất ở từ cha mẹ để anh T cho vợ chồng.

Nay chị H yêu cầu được chia và nhận nhà để ở vì hiện nay chị H đang ở tại

ngôi nhà này và trực tiếp nuôi hai con và chị H hoàn trả lại giá  $\frac{1}{2}$  giá trị ngôi nhà cho chị H giá trị theo Hội đồng định giá đã định ngày 26/2/2020 là 620.164.000đ, tuy nhiên tại phiên tòa chị H nâng giá trị thực tế nhà đất là 651.000.000đ.

Về nợ chung : Chị H công nhận hiện nay vợ chồng đang nợ chung, theo hợp đồng tín dụng số: 4302-LAV-201503759, ngày 15 tháng 9 năm 2015 thì còn nợ gốc là 28.000.000đ và tiền lãi tính đến 4/3/2020 là 169.400đ.

Anh T yêu cầu chia đôi số nợ của Ngân hàng nói trên chị H đồng ý.

Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung nào khác và cũng không có nợ chung nào khác .

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan -** Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tuy Phước. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L, Phó GD phụ trách phòng giao dịch G trình bày :

Theo hợp đồng tín dụng số: 4302-LAV-201503759, ngày 15 tháng 9 năm 2015 anh Trần Quốc T và Lê Thị Thanh H có vay vốn 30.000.000đ nhưng đã trả bớt gốc, còn nợ gốc là 28.000.000 và tiền lãi tính và tiền lãi tính đến 14/7/2020 là 492.800đ. Nay chị L yêu cầu anh T ,chị H phân chia nghĩa vụ trả nợ nói trên, hạn cuối cùng là 9/8/2021.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 175/2020/HNGĐ-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 59, 63 Luật hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử :**

**1.** Về chia tài sản chung: Giao cho anh Trần Quốc T sở hữu ngôi nhà gắn liền Quyền sử dụng đất số 463, tờ bản đồ số 30, diện tích 91,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, đã được UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp GCNQSDĐ cho Trần Quốc T, Lê Thị Thanh H ngày 25/10/2015.

Buộc anh Trần Quốc T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Lê Thị Thanh H 325.500.000đ.

Thời gian chị Lê Thị Thanh H được lưu cư là 06 tháng theo quy định tại Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

### **2.** Về phân chia nghĩa vụ trả nợ:

Phần anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Thanh H, mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch G, huyện T, tỉnh Bình Định tiền gốc là 28.000.000đ và tiền lãi tương ứng với số tiền gốc 28.000.000đ của mỗi người phải trả theo hợp

đồng tín dụng số: 4302-LAV-201503759, ngày 15 tháng 9 năm 2015. Hạn cuối cùng là 9/8/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá, tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2020, bị đơn chị Lê Thị Thanh H kháng cáo yêu cầu được nhận nhà, đất để đảm bảo chỗ ăn, ở cho các con.

Ngày 29/7/2020, nguyên đơn anh Trần Quốc T kháng cáo yêu cầu được nhận 2 phần giá trị tài sản, chị H nhận 1 phần vì nguồn gốc đất là do cha mẹ anh tặng cho, anh có công sức đóng góp nhiều hơn chị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn, bị đơn. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Quốc T và bị đơn chị Lê Thị Thanh H trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, anh T, chị H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc thửa đất số 463, tờ bản đồ số 30, diện tích 91,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, đã được UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trần Quốc T, chị Lê Thị Thanh H vào ngày 25/10/2015 là do cha mẹ anh T cho anh, chị. Anh T, chị H thừa nhận nhà, đất đang tranh chấp là tài sản chung của anh, chị và cũng thống nhất nâng giá trị nhà, đất đang tranh chấp là 651.000.000đ.

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Quốc T yêu cầu được nhận giá trị tài sản chung là 2 phần giá trị nhà, đất và yêu cầu được nhận nhà. Thấy rằng:

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh T đều công nhận nhà, đất đang tranh chấp là tài sản chung của anh và chị H. Anh T cho rằng anh có công sức đóng góp nhiều hơn, tuy nhiên trong thời kỳ hôn nhân mặc dù anh T có thu nhập hay đóng góp nhiều hơn trong khối tài sản chung, chị H không đi làm tạo thu nhập nhưng chị ở nhà chăm sóc cho gia đình, chăm lo con cái để anh yên tâm lao động tạo thu nhập cho gia đình nên công sức đóng góp của chị H và anh T trong khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là ngang nhau. Do đó kháng cáo của anh T yêu cầu chia anh 2 phần, chị H 1 phần tài sản chung là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị Thanh H thấy rằng: Như đã nhận định tại mục [2] thì nguồn gốc đất đang tranh chấp là do cha mẹ anh T cho anh T, chị H. Hiện nay cha, mẹ anh T vẫn còn đang ở cạnh bên, đang sử dụng chung nhà vệ sinh. Giữa chị H và cha mẹ anh T có mâu thuẫn từ trước đến nay dẫn đến việc cha, mẹ anh T không cho chị H sử dụng công trình vệ sinh chung. Nên cấp sơ thẩm giao nhà, đất đang tranh chấp cho anh T sử dụng và anh T phải hoàn lại ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là phù hợp và có căn cứ. Do đó kháng cáo yêu cầu được nhận nhà, đất của chị H là không được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Quốc T và bị đơn chị Lê Thị Thanh H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Quốc T và bị đơn chị Lê Thị Thanh H không được chấp nhận nên anh Toàn, chị Hoài mỗi người phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

[5] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37, 59, 60, 63 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Quốc T và bị đơn chị

Lê Thị Thanh H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 175/2020/HNGĐ-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

**1. Về chia tài sản chung:** Giao cho anh Trần Quốc T sở hữu ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng thửa đất số 463, tờ bản đồ số 30, diện tích 91,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, đã được UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp GCNQSDĐ cho Trần Quốc T, Lê Thị Thanh H vào ngày 25/10/2015.

Anh T có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Trần Quốc T phải có nghĩa vụ thanh toán  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất và nhà trên đất cho chị Lê Thị Thanh H là 325.500.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thời gian chị Lê Thị Thanh H được lưu cư là 06 tháng theo quy định tại Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

**2. Về phân chia nghĩa vụ trả nợ :**

Anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Thanh H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Phòng giao dịch G, huyện T, tỉnh Bình Định tiền gốc là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) và tiền lãi tương ứng với số tiền gốc 28.000.000đ của mỗi người phải trả theo hợp đồng tín dụng số: 4302-LAV-201503759, ngày 15 tháng 9 năm 2015. Hạn cuối cùng là 09/8/2021.

**3. Về án phí:** Anh Trần Quốc T, chị Lê Thị Thanh H mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000713 ngày 28 tháng 7 năm 2020 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000714 ngày 29/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

**4. Trường hợp bản án được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nghĩa**







